

Bản án số: 1815/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2022

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Diệu Huệ**;

2. Bà **Lê Thị Tý**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 26 và 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1081/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số kk/rr, Đường số xx, phường BHH, quận BT, Thành phố Y. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số kk/rr, Đường số xx, phường BHH, quận BT, Thành phố Y. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 20/6/2022, bản tự khai ngày 20/7/2022 và Biên bản hoà giải ngày 16/8/2022 của Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày: Ông và bà N tự quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn vào N 1991 theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/1991, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận TB, Thành phố Y cấp ngày 15/4/1991. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; hiện nay, ông và bà N đã ly thân không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/19xx và Nguyễn Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/19xx đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2022 và Biên bản hoà giải ngày 16/8/2022 của Toà án, bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà N thống nhất với ông N về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng; về mâu thuẫn vợ chồng, bà N trình bày như sau: Năm 2010, ông N buộc bà đứng ra trả nợ thay cho ông N đồng thời phải đưa một khoản tiền để ông N ra đi; đi được vài tháng đến cuối năm 2010 thì quay về, do còn thương chồng nên bà đã chấp nhận đoàn tụ. Đến năm 2018, khi xảy ra mâu thuẫn với em trai của bà thì ông N buộc bà và các con phải từ bỏ mọi người trong dòng họ nếu không thì phải ly hôn. Ông N thường xuyên đi làm xa nhà nhiều ngày, bản thân bà biết ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng vẫn tha thứ, tiếp tục chung sống; do vẫn còn thương chồng nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/19xx và Nguyễn Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/19xx đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà gắn liền với đất tọa lạc số mm/bb, đường số jj, phường BHH, quận BT; bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 16/8/2022 của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Huỳnh Thị N. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị N kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận TB, Thành phố Y theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/1991, quyền số 01 ngày

15/4/1991 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N là hợp pháp;

Ông N xác định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên ông thường xuyên vắng nhà, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà N thừa nhận: quá trình chung sống giữa bà và ông N có nhiều mâu thuẫn, bản thân ông N cũng mâu thuẫn sâu sắc với gia đình nhà vợ; giữa bà và ông N đã từng nhiều lần ký đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó rút lại; bản thân bà biết rõ ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng vì không muốn gia đình tan vỡ nên bà vẫn cố níu kéo tình cảm cho đến ngày nay. Xét, mâu thuẫn vợ chồng của ông N và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà N, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông N và bà N khai thống nhất có 02 (hai) con chung Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/1992 và Nguyễn Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/19xx đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông N và bà N thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết; Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Ông N và bà N thống nhất không có.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49/1991, quyển số 01 ngày 15/4/1991 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận TB, Thành phố Y cấp không còn giá trị.

1.2 Về con chung: Có 02 (hai) con chung Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/19xx và Nguyễn Huỳnh Thanh B, sinh ngày 19/11/19xx đều đã thành niên.

1.3 Về tài sản chung: Ông N và bà N thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông N và bà N thống nhất không có.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0034501 ngày 07/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; ông N đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái